

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 05/04/2021

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RC6+RP1+P2	7:25	2+3+16	0+0+0		2+1+19	0+0+0	
2		BK5+P8+P1	7:25	9+0+13	0+0+0		7+1+14	0+0+0	CHUYEN 1-P8-P1
3		GTCl+PPD+BK3	7:25	2+20+0	0+0+0		0+15+7	0+0+0	
4		RP3+CTCl+PPD	7:25	17+1+4	0+0+0		11+1+10	0+0+0	
5		BK4+P1+P2	9:25	2+13+7	0+0+0		0+13+9	0+0+0	
6		RC5+RP2+VSP01+P4	9:25	4+0+0+18	0+0+0		0+1+2+18	0+0+0	DON BENH NHAN VSP01
7		P3+BK6+P2	9:25	3+6+13	0+0+0		0+5+17	0+0+0	
8		TD3+PPD	9:25	15+7	0+0		11+11	0+0	CHUYEN 1 TD3 PPD
9		CTK3+P1+BK5	11:25	12+10+0	0+0+0		10+8+4	0+0+0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ ĐI VỀ TRONG NGÀY P1-5 NG, BK5-4NG

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/04/2021	TO: RC6 - RP1 - P2	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Vận - VLinH - HIẾU	ETA: 09:10
xanh-1			

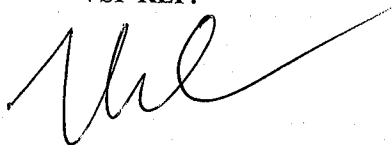
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN KHẮC THANH CHUNG	RC6	56,76	2	10	20	65	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ MẠNH HÙNG	RC6	55	1	10		70	ANTOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN HỒNG QUYẾT	RP1	52-53	2	15		65	CODIEN	Vietnamese
4	PHẠM NGỌC PHƯƠNG	RP1	48-49	2	18	120	76	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐỨC MINH	RP1	20-21	2	17		62	CODIEN	Vietnamese
6	BAGRAMOV	P2	78-79	2	17		96	KH-THAC	Russian
7	NGUYỄN SƠN TRƯỞNG	P2	81	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐƯƠNG ĐỨC HIẾU	P2	86-87	2	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM QUỐC HIẾN	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
10	TRỊNH BA ĐỒNG	P2	74	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN ĐỨC HUY	P2	82	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG MINH ĐỨC	P2	77	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ VĂN ĐỒNG	P2	75	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
14	LƯU VĂN TỰ	P2	89	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ VĂN NAM	P2	83	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ VĂN HIẾU	P2	85	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM NGUYỄN HOANG PHÚC	P2	80	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN PHÚ HỮU	P2	76	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐÌNH NAM	P2	84	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN HIẾU	P2	88	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI THO DUNG	P2					60	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	P2	90	1	5		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

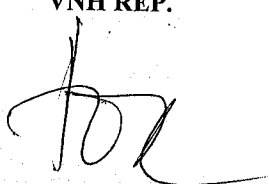
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC6	2	3	20	135	20	2		
2	RP1	3	6	50	203	120	1		
3	P2	17	17	92	1.197	0	19		
TOTAL		22	26	162	1.535	140	22		
WEIGHT KG				162	1.535	140			

GRAND TOAL: 1.837 KGS

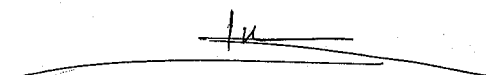
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: BK5 - P8 - P1	CREW: QViệt - HUNG - DTùng	ETA: 09:15
CAM-1			

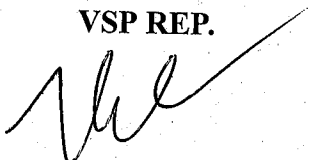
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN THƯ	BK5							
2	NGUYỄN KHÁC QUỐC	BK5	70	1	5	20	65	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYỄN QUANG THẮNG	BK5					66	KH-THAC	Vietnamese
4	NHÂM ĐIỆN BIÊN	BK5					71	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TIẾN THẮNG	BK5	74	1	2		65	NIPI	Vietnamese
6	NGUYỄN TIẾN HUNG	BK5	72-73	2	19		56	NIPI	Vietnamese
7	NGUYỄN QUỐC HOÀN	BK5	71	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN QUỐC VIỆT	BK5	69	1	7		59	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN DUY QUYÊN	BK5	76	1	5		60	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN DINH HAI	P1	99	1	5	60	65	PSV	Vietnamese
11	BELENKO	P1	27	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ MINH PHƯƠNG	P1	25	1	4		95	D-HANH	Russian
13	VŨ VIỆT THANH	P1	200,20	2	10		70	D-HANH	Vietnamese
14	VŨ XUÂN QUY	P1	97	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
15	BAMBUROV	P1	28	1	4		105	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ TUẤN VŨ	P1	29	1	2		97	KH-THAC	Russian
17	NGUYỄN VĂN DŨNG	P1	97	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN XUÂN LANH	P1	24	1	6		69	ANTOAN	Vietnamese
19	ĐINH VĂN THẮNG	P1	21-22	2	14		70	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ VĂN THẮNG	P1	26	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
21	LE VAN TU	P1	23	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
22	VŨ DUY KHÁNH	P1	98	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
							62	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

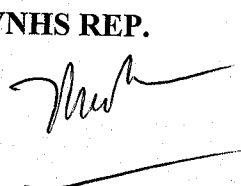
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	9	7	42	573	20	7		CHUYỂN 1 PAX TỪ P8 SANG P1
2	P8	0	0	0	0	0	1	1	
3	P1	13	15	79	969	60	14		
TOTAL		22	22	121	1.542	80	22		
WEIGHT KG				121	1.542	80			

GRAND TOAL: 1.743 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: GTC1 - PPD - BK3	CREW: Nam - Duong - THU	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	IUSUPOV	GTC1	51	1	10		69	KH-THAC	Russian
2	PASHKOV E.V.	GTC1	52	1	6		88	D-HANH	Russian
3	ĐINH THE QUÂN	PPD	988	1	3		67	KHI	Vietnamese
4	BUI THANH HAI	PPD	84	1	5		60	KHI	Vietnamese
5	PHAN VĂN TÙNG	PPD	92	1	9		77	KHI	Vietnamese
6	ĐINH NGỌC QUY	PPD	91	1	4		77	KHI	Vietnamese
7	VÔ TÀ QUANG	PPD	87	1	5	50	70	KHI	Vietnamese
8	TRẦN ĐỨC DUY	PPD	89-90.	2	10		70	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU HAO	PPD	93	1	5		79	KHI	Vietnamese
10	TRẦN HOANG CHUONG	PPD	94	1	6		62	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC THU	PPD	37	1	5		62	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐỨC NGỌC	PPD	40	1	5		69	KHI	Vietnamese
13	LÊ MINH PHỤNG	PPD	39	1	5		74	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN HUY SƠN	PPD					80	KHI	Vietnamese
15	PHẠM HỒNG THAI	PPD	95	1	5		63	KHI	Vietnamese
16	TRẦN SƠN NAM	PPD	88	1	7		79	KHI	Vietnamese
17	ĐẶNG THANH SƠN	PPD	96-97	2	11		75	THANGLO	Vietnamese
18	DANG THANH TIEN	PPD	35-36	2	10		65	THANGLO	Vietnamese
19	TRẦN VĂN HÙNG	PPD	26,400	2	11		51	THANGLO	Vietnamese
20	LÂM QUANG NAM	PPD	38	1	6		82	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN HÀ	PPD	85	1	3		60	KHI	Vietnamese
22	NGUYỄN XUÂN HUYNH	PPD	86	1	5		49	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	GTC1	2	2	16	157	0	0		
2	PPD	20	23	120	1.371	50	15		
3	BK3	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		22	25	136	1.528	50	22		
WEIGHT KG				136	1.528	50			

GRAND TOAL: 1.714 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 04	TO: RP3 - CTC1 - PPD	CREW: ĐỨC - TĐông - ĐANG	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐỨC THUẬN	RP3	96	1	3		85	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐINH HOÀI ĐỨC	RP3	02	1	5		67	KHI	Vietnamese
3	TU NGỌC HAI	RP3	97-98	2	11		71	KHI	Vietnamese
4	LANH TRUNG ĐÔNG	RP3	09	1	3		67	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG TUẤN	RP3					90	KHI	Vietnamese
6	TRẦN VIỆT QUANG	RP3	07-08	2	12		77	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN TRUNG KIẾN	RP3					70	KHI	Vietnamese
8	ĐƯỜNG HỒNG QUÂN	RP3	800	1	9		77	KHI	Vietnamese
9	NGÔ THANH LAM	RP3	06	1	5		70	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC ANH	RP3	05	1	7	20	70	KHI	Vietnamese
11	TẠ PHI KHANH	RP3					70	KHI	Vietnamese
12	LAI VĂN MINH	RP3	01	1	3		62	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN MẠNH TUNG	RP3	03-04	2	13		82	YTE	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH TIẾN	RP3	99	1	7		65	PSV	Vietnamese
15	BUI KIẾN DỤC	RP3	93	1	17		85	NHATHAU	Vietnamese
16	LAM HOANG PHUC	RP3	94-95	2	18		103	NHATHAU	Vietnamese
17	NGUYỄN QUỐC TRÍ	CTC1	23	1	10	59	70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN HUU THANH	PPD	80	1	10		63	DKIEM	Vietnamese
19	NGUYỄN TRỌNG ĐẠI NGHĨA	PPD	96	1	6		77	KHI	Vietnamese
20	HUYNH NAM LONG	PPD	93	1	10		70	KHI	Vietnamese
21	TRẦN SƠN HAI	PPD	95	1	8		74	KHI	Vietnamese
22	HOANG HUY TIẾN	PPD	94	1	8		62	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	16	17	113	1.211	20	11		
2	CTC1	1	1	10	70	59	1		
3	PPD	5	5	42	346	0	10		
TOTAL		22	23	165	1.627	79	22		
WEIGHT KG				165	1.627	79			

GRAND TOAL: 1.871 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/04/2021	TO: BK4 - P1 - P2	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:30
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Vận - VLinH - HIẾU	ETA: 11:10
XANH-2			

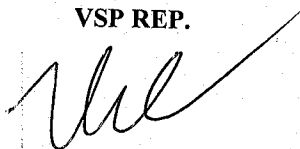
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ ĐỨC ANH	BK4	67,69	2	18	40	75	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN HOANG PHÚC	BK4	65-66	2	17		92	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN KHANH DUY	P1					70	KH-THAC	Vietnamese
4	VỊ KHÁC THANH	P1	02	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI HUY NGHIỆP	P1	06	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG XUÂN SƠN	P1	17	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN QUANG THO	P1	04	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
8	HỒ HỮU CHUNG	P1	09	1	5		52	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN THANH HAI	P1	07	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN CAO CHI	P1	05	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ QUANG TIẾN	P1	10	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG ĐỨC TOÀN H	P1	12	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
13	LƯU VĂN TUÂN	P1	01	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	CAO ĐĂNG PHONG	P1	03	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM PHU BÌNH	P1	13	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI VĂN QUÂN	P1	11	1	5		65	PSV	Vietnamese
17	LÊ TÙNG LAM	P1	08	1	5		62	PSV	Vietnamese
18	KLING	P2	92	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
19	TẶNG MẠNH HÀ	P2	94	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN XUÂN PHONG	P2	95	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM VĂN QUYÊN	P2	93	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
22	VŨ NGỌC DŨNG	P2	91	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	2	4	35	167	40	0		
2	P1	15	14	70	977	0	13		
3	P2	5	5	27	347	0	9		
TOTAL		22	23	132	1.491	40	22		
WEIGHT KG				132	1.491	40			

GRAND TOAL: 1.663 KGS

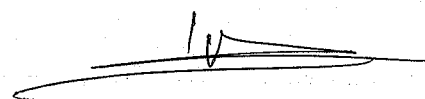
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:35
FLIGHT: 06	TO: RC5 - RP2 - VSP01 - P4	CREW: QViệt - HƯNG - DTùng	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN DUY ANH	RC5	70	1	5		72	NIPI	Vietnamese
2	TRAN ANH NGUYEN	RC5	73	1	5		63	NIPI	Vietnamese
3	NGUYEN MANH HA	RC5	72	1	5		74	NIPI	Vietnamese
4	PHAN CHINH TAI	RC5	71	1	6		75	NIPI	Vietnamese
5	HA QUOC VIET	P4	22	1	2	110	62	KHI	Vietnamese
6	PHAM VAN QUYEN	P4	84	1	5		78	KHI	Vietnamese
7	ZHURBIN N.B	P4	31	1	10		93	KHI	Russian
8	NGUYEN BACH DUONG	P4	29	1	5		74	KHI	Vietnamese
9	BUI HUU LAN	P4	28	1	5		77	KHI	Vietnamese
10	PHAM MONG THANH	P4	26-27	2	5		75	KHI	Vietnamese
11	LE VAN HUONG	P4	24-25	2	9		65	KHI	Vietnamese
12	TRAN DUY KHUONG	P4	82-83	2	9		90	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN DINH CU	P4	21	1	7		75	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN VAN KHANH	P4	33	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
15	OVCHARENKO	P4	32	1	3		87	KH-THAC	Russian
16	HOANG THAI DUONG	P4					74	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN CHIEN CONG	P4	20	1	4		69	KHI	Vietnamese
18	DOAN VAN TRUC	P4	23	1	8		70	KHI	Vietnamese
19	LE TRUNG LAM	P4	30	1	2		70	KHI	Vietnamese
20	DOAN VAN AI	P4	18	1	4		60	PSV	Vietnamese
21	BUI VAN MUOI	P4	17	1	2		56	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN VAN AI	P4	19	1	3		55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	4	4	21	284	0	0		
2	RP2	0	0	0	0	0	1		
3	VSP01	0	0	0	0	0	2		
4	P4	18	20	91	1.300	110	18		
TOTAL		22	24	112	1.584	110	21		
WEIGHT KG				112	1.584	110			

GRAND TOAL: 1.806 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:40
FLIGHT: 07	TO: P3 - BK6 - P2	CREW: Nam - Duong - THU	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI ĐỨC HẬU	P3	07	1	9	50	58	CODIEN	Vietnamese
2	ĐỖ VĂN THANH	P3	09	1	7	90	80	CODIEN	Vietnamese
3	LAM NHẬT MINH	P3	08	1	15	35	64	CODIEN	Vietnamese
4	LÊ NGỌC AN	BK6	52	1	5	20	80	KH-THAC	Vietnamese
5	LE VAN LONG	BK6	51	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
6	CHU QUYNH AN	BK6	53	1	5		105	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG ĐỨC LINH	BK6	50	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN PHỄ	BK6	54	1	6		66	PSV	Vietnamese
9	TRẦN QUANG PHỦ	BK6	55-56	2	10		63	DK9	Vietnamese
10	LÊ ĐÌNH HUÂN	P2	41	1	4		50	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN HỮU HẠ	P2	46	1	12		52	KH-THAC	Vietnamese
12	HỒ CHẾ LINH	P2	44-45	2	15		73	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM VĂN ĐỨC	P2					76	T-TIN	Vietnamese
14	LE SINH TAM	P2	97	1	10		92	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN KHAC LAM	P2	96	1	11		75	PSV	Vietnamese
16	PHẠM THANH HÙNG	P2	47	1	5		64	PSV	Vietnamese
17	PHẠM HỒNG VĂN	P2	08	1	7		72	PSV	Vietnamese
18	TRƯƠNG TRỌNG HẠN	P2	99	1	4		57	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐỨC TRỌNG	P2	98	1	8		60	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐÌNH LAM	P2	42	1	5		78	PSV	Vietnamese
21	BUI LONG HUNG	P2	43	1	5		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	3	3	31	202	175	0		
2	BK6	6	7	43	454	20	5		
3	P2	12	12	86	819	0	17		
TOTAL		21	22	160	1.475	195	22		
WEIGHT KG				160	1.475	195			

GRAND TOAL: 1.830 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 08	TO: TD3 - PPD	CREW: ĐỨC - TĐông - ĐANG	ETA: 11:30
TRANG-2			

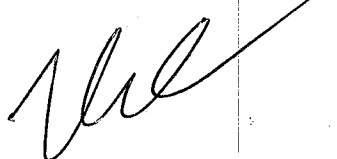
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN ĐĂNG	TD3	18-19	2	19		76	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN VĂN THUẬN	TD3	16	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM MINH DƯƠNG	TD3	09	1	6		85	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN THANH SƠN	TD3	15	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN MINH TUẤN	TD3	08	1	8		77	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH HUY	TD3	13-14	2	16		71	CODIEN	Vietnamese
7	PHẠM VĂN HUÂN	TD3	06	1	9		60	CODIEN	Vietnamese
8	CAO ĐẶC DÂN	TD3	11-12	2	18		70	CODIEN	Vietnamese
9	ĐẶNG TIẾN TOÀN	TD3	03	1	12		70	CODIEN	Vietnamese
10	NGUYỄN DUY BAI	TD3	04-05	2	15	20	75	CODIEN	Vietnamese
11	TRẦN PHÚ	TD3	07	1	10		70	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐÌNH KHA	TD3	01-02	2	12		65	CODIEN	Vietnamese
13	VŨ HOANG TÂN	TD3	20-21	2	16	47	92	DVL	Vietnamese
14	PHAN VĂN LĨNH	TD3	17	1	3		67	PSV	Vietnamese
15	TÔ HỮU THẮNG	TD3	10	1	8		82	DK9	Vietnamese
16	DƯƠNG TRƯỜNG LAM	PPD	98	1	5		69	KHI	Vietnamese
17	KHÔNG TIẾN DŨNG	PPD	22	1	3		77	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN LAM	PPD	21	1	8		92	ANTOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN NGỌC CHINH	PPD	20	1	16		80	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN NGỌC LƯU	PPD	18	1	5		70	PSV	Vietnamese
21	LÊ TIẾN LỢI	PPD	19	1	3		73	PSV	Vietnamese
22	PHẠM VĂN HIỆP	PPD	17.	1	6		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	15	21	167	1.096	67	11+1		CHUYEN 1 TD3 SANG PPD
2	PPD	7	7	46	536	0	11		
TOTAL		22	28	213	1.632	67	22		
WEIGHT KG				213	1.632	67			

GRAND TOAL: 1.912 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:30
FLIGHT: 09	TO: CTK3 - P1 - BK5	CREW: Vận - ĐNam - Toan	ETA: 13:10
NAU-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN NINH BÌNH	CTK3	94	1	10	11	71	WOGC	Vietnamese
2	THÂN VĂN KIẾN	CTK3	69	1	11		64	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN LỢI	CTK3	67-68	2	15		67	XAYLAP	Vietnamese
4	QUÁCH XUÂN THƯƠNG	CTK3	98-99	2	15		72	XAYLAP	Vietnamese
5	HUYNH PHƯƠNG HÙNG	CTK3	82-83	2	19		70	XAYLAP	Vietnamese
6	HOANG VAN CUONG	CTK3	95-96	2	15		69	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN NGỌC ANH	CTK3	92-93	2	20		75	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN PHƯỚC	CTK3	700	1	12		72	XAYLAP	Vietnamese
9	BUI NGOC TUAN	CTK3	84-85	2	15		64	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐINH VĂN THIÊN	CTK3	86-87	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
11	BUI HỒNG SANG	CTK3	88-89	2	20		95	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN VĂN KIM	CTK3	90-91	2	18		60	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ MINH HIẾU	P1	17	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	HỒ NGUYỄN KHANH DUY	P1					58	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN THƯƠNG	P1	20	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU LONG	P1	22	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ HUY TÂN	P1	18-19	2	12		65	YTE	Vietnamese
18	PHẠM THANH NHA	P1	16	1	5		85	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN XUÂN THÔNG	P1	15	1	3		62	PSV	Vietnamese
20	DƯƠNG DUY KHUONG	P1	21	1	9		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	12	21	185	839	11	10		
2	P1	8	8	49	563	0	8		
3	BK5	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		20	29	234	1.402	11	22		
WEIGHT KG				234	1.402	11			

GRAND TOAL: 1.647 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN